

Bản án số 29/2018/HS-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đăng Ban-Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Ông Tô Sỹ Thái-Chủ tịch hội đồng mục vụ giáo họ Tr, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thảo-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993.

Sinh, trú quán: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Th và bà Hà Thị Th; vợ, con: Chưa.

Gia đình bị cáo có bốn anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/9/2011, bị UBND huyện P, tỉnh H áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thời gian 12 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 10/10/2012.

Bản án số 26/2014/HSST ngày 28/4/2014, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H đã xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2015.

Ngày 12/11/2018, Công an huyện P, tỉnh H xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Xuân Tr, sinh năm 1994.

Sinh, trú quán: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tuấn O và bà Trần Thị T; vợ: Vũ Thị T (đã ly hôn), con: có một con sinh năm 2014.

Gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án: Bản án số 17/2016/HSST ngày 10/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2017.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 28 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đăng S, sinh năm 1993.

Sinh, trú quán: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Th (tên gọi khác Nguyễn Văn Th) và bà Trần Thị Th; vợ, con: Chưa.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án: Bản án số 23/2016/HSST ngày 04/8/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977-Vắng mặt.

Trú tại: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975-Vắng mặt.

Trú tại: thôn ĐĐà, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Anh Trần Văn C, sinh năm 1993-Vắng mặt.

Trú tại: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đăng D, sinh năm 1987-Vắng mặt.

Trú tại: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 07/9/2018, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993 rủ Bùi Xuân Tr, sinh năm 1994 và Nguyễn Đăng S, sinh năm 1993 đều ở thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H đi trộm cắp mèo để làm thịt, Tr, S đồng ý. Cả ba đi bộ quanh làng tìm bắt mèo nhưng không được. Đi đến cổng nhà anh Nguyễn Đăng Quyết, sinh năm 1977 ở cùng thôn, cả ba phát hiện một chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại dựng sát bụi chuối không có ai trông coi, không khóa nên T nói với Tr, S lấy trộm chiếc xe. Cả ba kéo chiếc xe đi ra ngoài đường được khoảng 03 mét thì T bảo Tr, S đi mượn xe máy để kéo. T, Tr, S đi đến nhà anh Trần Văn C, sinh năm 1993 ở cùng thôn và hỏi mượn anh C chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89 K2-7144 rồi Tr đèo T, S quay lại vị trí để chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại. Khi đến nơi, Tr điều khiển xe mô tô để S ngồi đằng sau cầm càng kéo chiếc xe tự chế đi tiêu thụ, T đi về nhà Tr đợi. Tr, S mang xe đến quán phở liệu của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975 ở thôn ĐĐ, xã Đ, huyện P, tỉnh H rồi bán cho anh H chiếc xe tự chế được 600.000 đồng. Sau khi bán được chiếc xe, Tr, S đi sang huyện Q, tỉnh Th mua ma túy hết 500.000 đồng và ăn tiêu hết 100.000 đồng. Tr, S đã sử dụng một phần ma túy, phần còn lại mang về đưa cho T để T sử dụng. Sau đó, Tr chở T đến nhà anh C để trả xe rồi T, Tr về nhà Tr ngủ, S về nhà S.

Ngày 08/9/2018, cơ quan điều tra đã quản lý 01 chiếc xe tự chế bằng kim loại tại cửa hàng của anh H, xe có kích thước dài 2,86 mét, rộng 0.85 mét, cao 1,1 mét, trọng lượng 100 kg.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/2018/ KL-HĐ ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh H đã kết luận: 01 xe kéo tự chế làm bằng ống thép kim loại kích thước dài 2,86 mét, rộng 0,85 mét, cao 1,1 mét, trọng lượng 100 kg, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, T, Tr, S đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P, tỉnh H đã ra Quyết định truy nã đối với các bị cáo. Ngày 19/10/2018, S, T bị bắt theo lệnh truy nã. Ngày 25/10/2018, Tr bị bắt theo lệnh truy nã.

Hành vi T sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an huyện P, tỉnh H xử phạt hành chính.

S, Tr khai sử dụng ma túy tại tỉnh Th nhưng không rõ địa điểm cụ thể nên

cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Người đàn ông bán ma túy cho Tr chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Anh H mua chiếc xe nhưng không biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có, anh C cho T mượn xe nhưng không biết T dùng vào việc phạm tội nên không xử lý với anh H, anh C.

Về trách nhiệm dân sự: anh H yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền 600.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe cho anh Q, anh Q đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và vật chứng đã thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSPC ngày 10/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Bùi Xuân Tr và Nguyễn Đăng S đều về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo khẳng định lời khai tại giai đoạn điều tra là đúng và không bị ép buộc. Các bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản không có ý kiến gì. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho anh H 600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và có quan điểm đề nghị: Các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tài sản đã thu hồi trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tr, bị cáo S phạm tội thuộc Tr hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Về vai trò: Bị cáo T là người khởi xướng, thực hành tích cực nên có vai trò chính. Bị cáo Tr là người thực hành tích cực nên có vai trò sau T. Bị cáo S có vai trò sau bị cáo T, Tr.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với bị cáo T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với các bị cáo Tr, S.

Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Tr từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2018.

Xử phạt bị cáo S từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo T, Tr, S mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H 200.000 đồng.

Do các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Các bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do có ý định trộm cắp tài sản của người khác để ăn tiêu nên khoảng 19 giờ ngày 07/9/2018, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993 rú Bùi Xuân Tr, sinh năm 1994 và Nguyễn Đăng S, sinh năm 1993 đều ở thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H đã trộm cắp 01 chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại của anh Nguyễn Đăng Quyết, sinh năm 1977 ở cùng thôn. T, Tr, S đã mượn của anh Trần Văn C, sinh năm 1993 ở cùng thôn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89 K2-7144 rồi Tr đèo S để S ngồi đằng sau cầm càng kéo chiếc xe tự chế đi tiêu thụ còn T đi về nhà Tr đợi. Tr, S mang xe đến quán phở liệu của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975 ở thôn ĐĐ, xã Đ, huyện P, tỉnh H rồi bán cho anh H chiếc xe tự chế được 600.000 đồng. Sau khi bán được chiếc xe, Tr, S đi sang huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình dùng số tiền vừa bán tài sản trộm cắp để mua ma túy hết 500.000 đồng và ăn tiêu hết 100.000 đồng. Tr, S đã sử dụng một phần ma túy, phần ma túy còn lại mang về đưa cho T để T sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/2018/ KL-HĐ ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh H đã kết luận: 01 xe kéo tự chế làm bằng ống thép kim loại kích thước dài 2,86 mét, rộng 0,85 mét, cao 1,1 mét, trọng lượng 100 kg, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo T, Tr và S đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P, tỉnh H đã ra Quyết định truy nã đối với các bị cáo. Ngày 19/10/2018, S và T bị bắt theo lệnh truy nã. Ngày 25/10/2018, Tr bị bắt theo lệnh truy nã.

[2]. Cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng các quy định của pháp luật không có vi phạm gì.

[3]. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và không bị hạn chế về năng lực hành vi nhưng đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 4.000.000 đồng. Với hành vi trộm cắp tài sản, với tính chất mức độ phạm tội, giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân của các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo phạm tội nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn; tài sản đã được thu hồi nguyên vẹn trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại. Vì vậy các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản án số 17/2016/HSST ngày 10/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Th xử phạt bị cáo Tr 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2017.

Tại bản án số 23/2016/HSST ngày 04/8/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt bị cáo S 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018.

Theo quy định tại Điều 69, điểm b khoản 2 Điều 70, Điều 73 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì tính đến thời điểm phạm tội lần này (ngày 07/9/2018) các bị cáo Tr, S vẫn chưa được xóa án tích nên các bị cáo Tr, S phạm tội thuộc Tr hợp tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về vai trò: Bị cáo T là người khởi xướng, thực hành tích cực nên có vai trò chính. Bị cáo Tr, S là người thực hành tích cực nên có vai trò sau bị cáo T.

Bị cáo T có vai trò chính, các bị cáo Tr và S phạm tội thuộc Tr hợp “Tái phạm” vì vậy phải có mức hình phạt phù hợp với các bị cáo.

Các bị cáo là người có nhân thân xấu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã phải ra Lệnh truy nã vì vậy cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo tạo các bị cáo.

Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo T, Tr, S phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền 600.000 đồng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và việc ăn tiêu số tiền có được của các bị cáo sẽ buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền là 200.000 đồng.

[6]. Hành vi T sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an huyện P, tỉnh

H xử phạt hành chính là phù hợp.

S, Tr khai sử dụng ma túy tại tỉnh Thái Bình nhưng không rõ địa điểm cụ thể nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Người đàn ông bán ma túy cho Tr chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Anh H mua chiếc xe nhưng không biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có, anh C cho T mượn xe nhưng không biết T dùng vào việc phạm tội nên không xử lý với anh H, anh C là phù hợp.

[7]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe cho anh Q, anh Q đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì là phù hợp.

[8]. Các vấn đề khác hội đồng xét xử không xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với các bị cáo Bùi Xuân Tr và Nguyễn Đăng S.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Bùi Xuân Tr và Nguyễn Đăng S đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T: 01 năm 09 tháng tù (Một năm chín tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Tr: 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng S: 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho anh Nguyễn Huy H số tiền 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Bùi Xuân Tr phải bồi thường cho anh Nguyễn Huy H số tiền 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Đăng S phải bồi thường cho anh Nguyễn Huy H số tiền 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường mà bị cáo không thi hành thì bị cáo còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Áp dụng Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Bị cáo Bùi Xuân Tr phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Bị cáo Nguyễn Đăng S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Các vấn đề khác không xét.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P, tỉnh H;
- Công an huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn